

THÁI VĂN ANH*

MỘT SỐ NHÂN TỐ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM GÓP PHẦN XÂY DỰNG, Củng cố NIỀM TIN CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM

Tóm tắt: Phật giáo là một tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất ở Việt Nam. Cùng với sự phát triển của dân tộc, Phật giáo không ngừng kiện toàn và lớn mạnh trở thành ngôi nhà tâm linh gần gũi của nhiều người dân trên khắp mọi miền đất nước. Bài viết này luận giải về sáu nhân tố nội tại quan trọng giúp Phật giáo có được niềm tin của đông đảo người dân Việt Nam, giúp thêm cách nhìn toàn diện hơn về Phật giáo Việt Nam. Đó là: 1) Giáo lý Phật giáo chứa đựng những giá trị tích cực; 2) Sự thống nhất về ý thức tư tưởng lãnh đạo và tổ chức; 3) Tinh thần nhập thế, hòa đồng tôn giáo; 4) Sự dung hợp giữa Phật giáo với văn hóa dân tộc; 5) Truyền thống anh linh, hộ quốc an dân; 6) Hình thức hoạt động mang tính đa dạng, khế cơ, khế lý.

Từ khóa: Nhân tố, niềm tin, Phật giáo, Việt Nam, tôn giáo.

Ở Việt Nam, Phật giáo là một tôn giáo có chiều dài lịch sử lâu đời nhất (hơn 2.000 năm). Với bề dày lịch sử đó, Phật giáo đã khẳng định chân giá trị của nó trên đất nước này. Đồng thời, đây cũng là tôn giáo có số lượng tín đồ lớn nhất. Theo báo cáo của Ban Tăng sự trong Hội nghị kỳ 4 khóa VII Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tính đến năm 2015 cả nước có: 49.493 Tăng Ni (gồm: 36.625 Bắc tông, 8.690 Nam tông Khmer, 824 Nam tông Kinh, 3.354 Khất sĩ); 17.376 ngôi tự viện (gồm: 14.780 chùa Bắc Tông, 454 chùa Nam Tông Khmer, 73 chùa Nam tông Kinh, 550 Tịnh xá, 467 Tịnh thất, 998 Niệm Phật đường, 54 chùa Hoa); hơn 10 triệu tín đồ đã quy y (chưa kể đến hàng chục triệu người có cảm tình với Phật giáo¹). Với vị thế như vậy, có thể nói rất nhiều người dân Việt Nam từ xưa đến nay đều có truyền thống hoặc chịu ảnh hưởng ít nhiều tư tưởng Phật giáo. Phật giáo đã trở thành tôn giáo của dân tộc Việt Nam, luôn đồng hành và phát triển cùng với dân tộc trong mục tiêu đoàn kết xây dựng đất nước, xây dựng con

* ThS. Đại đức Thích Không Tú, Nghiên cứu sinh Khoa Tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội.

người, xã hội ngày một toàn diện, tiến bộ. Đồng thời, Phật giáo cũng là nhân tố tích cực trong việc đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, phân động; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm góp phần giữ gìn hòa bình, tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc. Sở dĩ có được vị thế vững chắc như vậy, Phật giáo Việt Nam đã có và kết hợp được sáu nhân tố quan trọng như trình bày dưới đây.

Thứ nhất: Giáo lý Phật giáo chứa đựng những giá trị tích cực thể hiện trên các khía cạnh nhân văn, đạo đức, lối sống, tình cảm và tính cộng đồng sâu sắc.

Phật giáo có hệ thống giáo lý và kinh điển vô cùng phong phú, trong đó một số nội dung mang tính gần gũi dễ hiểu, dễ đi vào lòng người, có thể khiến con người tĩnh tâm và suy nghĩ trước những dự vọng của mình, nhờ đó mà có thể từ bỏ cái sai, cái ác, cái xấu để theo chân, thiện, mỹ. Giáo lý *Ngũ giới* có giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách, đạo đức và xây dựng nền tảng, kỷ cương gia đình, xã hội. Giáo lý *Lục hòa* có giá trị tăng cường khối đoàn kết toàn dân, toàn xã hội, xây dựng cách ứng xử giữa người với người cho hòa hợp từ lời nói đến việc làm, từ vật chất đến tinh thần. Giáo lý *Tứ ân* có giá trị gìn giữ truyền thống tri ân và báo ân đối với ông bà cha mẹ, thầy cô giáo và quốc gia, xã hội. Giáo lý *Nhân quả, Luân hồi, Nghiệp báo* có giá trị lý giải cái khổ của con người qua các kiếp sống, đồng thời lý giải nhiều hiện tượng xã hội, giúp con người thực hành nếp sống thiện. Giáo lý *Tứ diệu đế* có giá trị nâng cao niềm tin vào con người, vào khả năng giải thoát của con người, từ đó thực hành lối sống trong sạch (bỏ ác, làm lành, tích đức, tạo phước của mỗi người) mà không lệ thuộc vào thần linh. Giáo lý về *Tâm thức* có giá trị giải quyết sự khủng hoảng trong tâm thức về thế giới và con người đang sống, đem lại sự an bình trong tâm thức, là viên ngọc quý của Phật giáo đối với hạnh phúc nhân gian. Giáo lý này khuyên con người hãy an tâm trong bất kỳ tình huống nào, thế giới này là vô thường, vô ngã; các ham muốn chỉ là thói quen của cái ta; mà cái ta thì không có tồn tại đích thực vì thế để tâm luôn an lạc. Giáo lý *Từ bi, hỷ xả* có giá trị giúp con người sống chan hòa, yêu thương, thân thiện và đồng cảm với nhau hơn. Giáo lý *Tứ nhiếp pháp* dạy con người biết đồng cam cộng khổ giữa xã hội để mang chân lý đi vào cuộc đời, khai thị cho chúng sanh rời đi nỗi khổ niềm đau. Giáo lý *Vô thường, Vô ngã* giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ.

Như vậy, các giáo lý trong Phật giáo đều mang những giá trị tích cực nhất định, nếu có duyên lĩnh hội một trong những giáo lý ấy rồi tìm hiểu,

suy nghiệm một cách sâu sắc chắc chắn sẽ liễu ngộ được chân lý cuộc đời. Chính điều đó giúp cho nơi nào Phật giáo truyền đến đều không có hiện tượng xung đột hay chiến tranh tôn giáo, người dân địa phương đều chấp nhận một cách tự nguyện và có niềm tin vào Phật giáo lúc nào không hay. Thực tế cho thấy Phật giáo ngày nay đã đáp ứng được yêu cầu về tình cảm, tâm linh của quần chúng một cách tốt đẹp, góp phần hình thành nên lối sống của con người Việt Nam trong lịch sử, và còn có giá trị đến ngày nay. Những giá trị tích cực trong giáo lý giúp con người vững bước trước những cám dỗ cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng xã hội, coi trọng thiên nhiên. Nói cách khác, giáo lý Phật giáo đã khẳng định được giá trị định hướng sâu sắc cho con người biết sống sao cho tốt, thiết thực và ý nghĩa đối với đất nước, xã hội, gia đình và cá nhân.

Thứ hai: Sự thống nhất về ý thức tư tưởng lãnh đạo và tổ chức.

Điểm đặc sắc ở Phật giáo Việt Nam mà không quốc gia nào có được, đó là các vị Tổ sư Phật giáo Việt Nam đã không phát triển Phật giáo theo kiểu mẫu truyền thống Nguyên thủy như Phật giáo Ấn Độ, Thái Lan, Sri Lanka, Lào,... hay truyền thống Đại thừa như Trung Hoa, Tây Tạng, Triều Tiên, Nhật Bản,... (một bên quá thực tiễn duy lý, một bên thì quá đề cao sự bay bổng, thần bí). Phật giáo Việt Nam mở lối một con đường riêng để phù hợp với dân tộc Việt Nam, trên pháp đàn tư tưởng từ thời phong kiến cho đến bây giờ, mặt dù có nhiều hệ phái, tông phái khác nhau nhưng không có những mâu thuẫn đối lập mà tất cả đều quy về một mục đích chính là tu hành giải thoát và tôn trọng, duy trì các pháp môn tu tập truyền thống của các hệ phái theo đúng Chính pháp. Phải chăng sự thống nhất về ý thức tư tưởng, dung hòa giữa các tông phái và truyền thống đoàn kết dân tộc đã uốn nắn Phật Giáo Việt Nam theo con đường dung hòa thống nhất đó? Từ sự dung hòa giữa các tông phái Phật giáo mà tín đồ có thể sinh hoạt tự do ở bất kỳ đạo tràng, chùa và hệ phái Phật giáo nào. Họ không bị gò bó hay quản lý bởi một cơ sở Phật giáo nhất định, cũng không có ý niệm phân biệt giữa tín đồ hệ phái này với tín đồ hệ phái khác. Tất cả chung suy nghĩ là đệ tử của Đức Phật, có cùng niềm tin vào giáo lý và Tăng đoàn.

Thứ ba: Tinh thần nhập thế, hòa đồng tôn giáo của Phật giáo Việt Nam.

Nét siêu việt của Phật giáo là tinh thần vô ngã vị tha, tùy duyên bất biến và nhập thế “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh” đã được các vị tu sĩ ứng dụng một cách linh hoạt trong suốt chiều dài lịch sử của Phật

giáo Việt Nam. Với việc tu tập gần gũi, thân thiết với thiên nhiên, với quần chúng như: “Thứ nhất tu nhà, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa”, “Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu”, “Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người”,... Đó chính là sự nhập thế tích cực của Phật giáo trong đời sống xã hội. Hay trong bài *Cư trần lạc đạo phú*, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã viết:

Cư trần lạc đạo hãy tùy duyên

Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền

Châu báu đầy nhà đừng chạy kiếm

Vô tâm đối cảnh, hời chi thiền

(Nguyễn Lang dịch)

Tất cả đã tạo nên hình ảnh hòa quyện, gắn bó đạo đời, tạo lập sức mạnh nội lực của Phật giáo một cách nghiêm túc, khiến Phật giáo dễ đi vào đời sống của nhân dân và lấy được cảm tình của đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Ngoài ra, nhiều tôn giáo khác ở Việt Nam như Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam,... đều có nhiều điểm gần gũi với Phật giáo. Mặt khác, Phật giáo Việt Nam đã có sự dung hợp với tinh thần Khổng giáo, Đạo giáo để trở thành “Tam giáo đồng nguyên” nhằm hộ trì quốc gia, dân tộc. Điều đó vẫn còn để lại những dấu ấn sâu sắc trong Phật giáo và đời sống xã hội như việc bài trí tiền Phật hậu Thánh, việc khấn niệm Nam mô A Di Đà Phật trước bàn thờ tổ tiên, hay mỗi khi cúng đất đai, giao thừa, cúng miếu, cúng đình là điều thường xuyên thấy trên đất nước Việt Nam. Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam còn đoàn kết với các tầng lớp trong xã hội và đoàn kết với các tôn giáo khác để chung tay xây dựng và phát triển đất nước. Đây là điều chưa có một tổ chức Phật giáo nước ngoài nào có thể làm được.

Những yếu tố trên tạo nên một tâm lý mến mộ, gần gũi Phật giáo tương đối phổ biến ở Việt Nam, tạo thành môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho hoạt động của Phật giáo Việt Nam và sự lớn mạnh, nhân rộng của niềm tin vào Phật giáo đối với quần chúng.

Thứ tư: Sự dung hợp giữa Phật giáo với văn hóa dân tộc.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên và đã tồn tại, phát triển hài hòa với dân tộc cho đến tận hôm nay đã hơn 2.000 năm. Phật giáo không xuyên tạc và luôn tôn trọng những hệ tư tưởng, niềm tin tôn giáo đã

có trước hoặc sau khi Phật giáo có mặt tại Việt Nam. Trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, đặc biệt là xét trên khía cạnh hệ thống tư tưởng thì Phật giáo đã trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần hình thành một quan niệm sống, những giá trị chuẩn mực trong sinh hoạt của người Việt Nam. Nguyễn Đức Lữ (2013) nhận định: “Phật giáo đã góp phần tạo nên cốt cách con người Việt Nam là đoàn kết và nhân ái; hòa hiếu và bao dung. Giá trị tư tưởng và thái độ ứng xử Phật giáo đã hòa quyện với truyền thống văn hóa dân tộc, trở thành di sản quý báu để lại cho hậu thế².”

Người dân Việt Nam đón nhận Phật giáo, xem là bạn đồng hành cùng dân tộc trong suốt tiến trình lịch sử. Do vậy, khi tìm hiểu những giá trị truyền thống, văn hóa của Việt Nam thì chúng ta bắt gặp loại hình văn hóa Phật giáo đã có mặt cùng với văn hóa dân tộc. Đồng thời, khi tìm hiểu quan điểm, lối sống, niềm tin của người Phật tử Việt Nam, chúng ta cũng nhìn thấy những giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa người Việt Nam. Có thể nói, niềm tin tôn giáo của tín đồ Phật giáo Việt Nam có sự dung hợp giữa các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc với tư tưởng, triết lý Phật giáo được thể hiện từ các quan niệm nhân sinh quan, thế giới quan, đạo đức, văn học nghệ thuật, kiến trúc điêu khắc cho đến lời ăn tiếng nói trong sinh hoạt hằng ngày của tín đồ.

Phật giáo Việt Nam có chủ trương nhập thế. Nhờ tinh thần nhập thế sinh động, Phật giáo đi vào dân gian, dung nạp với các tôn giáo truyền thống của người Việt, như: thờ các vị thần, các vị thánh, các vị thành hoàng, thổ địa và các anh hùng dân tộc, ông bà tổ tiên... để cầu xin phước lộc, cầu xin tất cả những gì mà cuộc sống con người cần có. Sự dung hòa này khiến cho Phật giáo có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc. Đồng thời, các tín đồ không những có niềm tin vào Tam bảo mà còn có cả niềm tin vào các vị thần linh của tôn giáo dân gian. Có thể dễ dàng nhận thấy ở tín đồ Phật giáo Việt Nam tính đời trội hơn tính đạo. Họ thích cầu xin phước lộc, bình an hơn là tôi luyện trí tuệ, học hỏi giáo lý.

Người Việt Nam vốn có đức tính yêu nước, hiếu hòa, đoàn kết, nhân nghĩa, thủy chung,... biểu hiện trong các đạo lý, truyền thống như “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Tôn sư trọng đạo”, “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách”, “Ở hiền gặp lành”, “Ác giả ác báo”... Những truyền thống tốt đẹp đó có nhiều nét tương đồng với giáo lý Phật giáo như “tứ ân”, “tứ bi, hỷ xả”, “vô ngã, vị tha”, “cứu nhân độ thế”, “nhân quả, nghiệp báo” và tại Việt Nam, những giáo lý đó được hòa quyện, ảnh hưởng sâu đậm đến lối sống, niềm tin của

người Phật tử. Họ tin vào nhân quả, tin sự chứng giám anh minh của Phật, tin ở hiền gặp lành, tin có một Phật Bà nghìn mắt, nghìn tay thấu hiểu mọi khổ đau của chúng sinh, và tin sự trợ giúp của các vị Thần nơi cửa Phật. Quả thật vậy, sự hòa quyện tương quan này tạo nên nét đẹp không chỉ trong đời sống tín đồ Phật giáo mà lan tỏa khắp mọi giai tầng trong xã hội Việt Nam, từ trong giới bình dân cho đến giới trí thức.

Như vậy, từ khi có mặt ở Việt Nam, Phật giáo đã vận dụng linh hoạt tinh thần nhập thế tích cực tạo nên sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc theo mô thức “Kính Phật - Phụng đạo” ảnh hưởng sâu đậm đến tình cảm và tiềm thức của người dân Việt Nam.

Thứ năm: Truyền thống anh linh, hộ quốc an dân là đường hướng hoạt động đúng đắn của Phật giáo Việt Nam.

Với bề dày lịch sử hơn 2.000 năm, Phật giáo Việt Nam và dân tộc đã hòa nhập vào nhau như nước với sữa. Phật giáo luôn giữ vai trò hộ quốc an dân, bản địa hóa Phật giáo trên những chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trong thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc, những cuộc khởi nghĩa và giành quyền độc lập tự do của Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế,... đều có vai trò to lớn của Phật giáo. Từ thế kỷ VI đến thế kỷ X là thời kỳ Phật giáo Việt Nam hun đúc cho nền văn hóa Việt Nam một sức mạnh mới để bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc sau năm 938 và tạo ra diện mạo mới với đỉnh cao là các thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Từ đó, sức mạnh của Phật giáo được thể hiện xuyên suốt các triều đại lịch sử Việt Nam. Nửa cuối thế kỷ XIX và trong thế kỷ XX, Phật giáo cũng tham gia tích cực vào các phong trào yêu nước chống Pháp, chống Mỹ; đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất và phát triển đất nước.

Từ năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, lấy phương châm hoạt động “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Phương châm hoạt động này phù hợp và làm sâu sắc hơn truyền thống hộ quốc an dân, ích nước lợi dân, tốt đạo đẹp đời và nhuần nhuyễn hơn nếp sống cư trần lạc đạo của Phật giáo; làm cho Phật giáo thêm sinh động, tràn đầy sinh lực và sống mãi trong lòng dân tộc.

Đến nay, đã có hàng chục tu sĩ Phật giáo là đại biểu quốc hội, hàng trăm tu sĩ là đại biểu hội đồng nhân dân các cấp và thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Tùy theo cương vị của mình, các tu sĩ và tín đồ Phật tử với tinh thần nhập thế “Phật pháp chẳng rời thế gian pháp” đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng nhà nước Việt Nam ổn định, phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong

đó, nhiều vị tăng sĩ đã được Nhà nước tặng các Huân chương cao quý như Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động và nhiều Bằng khen từ Thủ tướng. Đó là những tấm gương sáng về uy tín và đạo hạnh đã cống hiến cho đạo pháp và dân tộc.

Thứ sáu: Hình thức hoạt động của Phật giáo Việt Nam mang tính đa dạng, khế cơ, khế lý.

Hoạt động của Phật giáo Việt Nam được thể hiện dưới nhiều hình thức, cấp độ đa dạng, phong phú, linh hoạt và có sự kết hợp giữa khế lý, khế cơ, tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên - xã hội - trình độ nhận thức khác nhau. Tập trung trên một số nội dung chủ yếu là: Hoằng pháp, tu tập, quan hệ quốc tế, văn hóa và từ thiện xã hội.

Về hoạt động hoằng pháp, những năm gần đây, Phật tử Việt Nam và người Việt Nam được chứng kiến những hoạt động hoằng pháp được tổ chức quy mô và đồ sộ có ý nghĩa không chỉ về mặt đạo pháp mà còn gắn với việc phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, giúp đỡ người nghèo. Ngày 09/4/2009 tại tỉnh Kon Tum tổ chức Đại lễ Quy y cho 4.000 người dân tộc được Trung tâm Vietkings tặng bằng xác lập kỷ lục. Ngày 26/7/2011 tại tỉnh Bình Phước có 5.311 người Quy y cũng đã được Trung tâm Vietkings xác lập kỷ lục. Tại Cần Thơ cũng đã tổ chức Quy y cho hơn 700 người Kinh và người Hoa tại chùa Phước Long nhân dịp Hội thảo Hướng dẫn Phật tử. Đặc biệt, ở Lạng Sơn, hằng năm đều tổ chức Đại lễ chúc thọ cho các Phật tử có tuổi chẵn từ 70 đến 100 tuổi vào ngày 13 tháng Giêng hằng năm, và đã trở thành nét đẹp văn hóa của địa phương³.

Cũng lần đầu tiên trong lịch sử, Phật giáo Việt Nam có tiếng vang lớn về uy tín và trình độ tổ chức các hoạt động quốc tế của Phật giáo Việt Nam. Đó là năm 2008, Phật giáo cùng với Chính phủ đăng cai và tổ chức thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc với chủ đề: *Sự cống hiến của Phật giáo trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*, có sự tham dự của hơn 2.000 đại biểu đến từ hơn 74 quốc gia. Đầu năm 2010, đăng cai tổ chức thành công Hội nghị Phật giáo Nữ giới Thế giới lần thứ XI. Đến năm 2014, Đại lễ Vesak lần thứ hai diễn ra tại Việt Nam với chủ đề: *Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc*, có sự tham dự của các đại biểu đến từ 95 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh việc củng cố, phát triển, nâng cao uy tín Phật giáo Việt Nam, các hoạt động này còn gắn với việc phát huy và bảo tồn, giao lưu văn hóa dân tộc với quốc tế nhằm thắt chặt tình hữu nghị tốt đẹp giữa các quốc gia và các tổ chức Phật giáo thế giới; đồng thời cải thiện

đáng kể hình ảnh về tự do tôn giáo, nhân quyền của Việt Nam vẫn được phản ánh chưa chính xác trong các báo cáo quốc tế.

Về mặt giáo dục, sự hoàn thiện hệ thống các trường Phật học từ Sơ cấp đến Đại học, sự liên thông và liên kết đào tạo giữa các Học viện Phật giáo với các trường bên ngoài đã cải tiến đáng kể phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập góp phần hoàn thiện hơn nữa giáo dục Phật giáo. Người học có cơ hội tiếp cận, phổ cập nhiều hơn các kiến thức khoa học, xã hội bên cạnh kiến thức Phật học chuyên ngành trong việc tu học của mình. Bên cạnh đó, được sự giúp đỡ của Chính phủ, Giáo hội đã giới thiệu Tăng Ni sinh du học chương trình Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học tại nước ngoài để sau đó về phục vụ cho các công tác cần thiết của Giáo hội.

Về an sinh xã hội, nhiều chương trình từ thiện do Giáo hội, các tự viện, đạo tràng Phật tử trong cả nước tổ chức đã thu hút sự ủng hộ quyên góp của người dân dành cho đồng bào Miền Trung và đồng bào nghèo, đồng bào các tộc người thiểu số, vùng sâu vùng xa, hải đảo, các bệnh nhân trên mọi miền đất nước, góp phần giảm dần tỷ lệ người nghèo ở Việt Nam từ 58,1% năm 1993 xuống 10,7% năm 2010; tính theo chuẩn người nghèo của Chính phủ giai đoạn 2011 - 2015 giảm từ 14,2% năm 2010 xuống 9,6% năm 2012, và có lẽ còn tiếp tục giảm trong các năm sau⁴.

Qua việc phân tích, luận giải trên, có thể thấy dân tộc Việt Nam có duyên tiếp nhận Phật giáo và xây dựng nên Phật giáo Việt Nam. Phật giáo có duyên là tìm được chỗ đứng trong lòng dân tộc Việt Nam. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện vai trò quan trọng về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn hồn thiêng sông núi, và chuẩn mực đạo đức con người. Các tầng lớp nhân dân trong xã hội đã và đang tìm thấy ở Phật giáo nhiều giá trị hữu ích. Đây là điều kiện thuận lợi cho niềm tin vào Phật giáo phát triển. Có thể nói sự kết hợp giữa sáu nhân tố tích cực kể trên trong lòng Phật giáo Việt Nam đã góp phần duy trì, củng cố niềm tin của tín đồ và quần chúng nhân dân vào một Phật giáo năng động, hiện đại, gần gũi, thiết thực. Điều này có ý nghĩa lớn lao trong việc kiện toàn Phật giáo cũng như giáo dục tín đồ tu học đúng chánh pháp, đoàn kết xây đời sống no ấm, xã hội bình yên; góp phần giúp cho đất nước ngày một phồn vinh, thịnh vượng./.

CHÚ THÍCH:

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2016), *Báo Giác Ngộ*, số 831: 5.
2. Nguyễn Đức Lữ (2013), *Tôn giáo với Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 236.

- 3 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 50.
- 4 Thích Nhật Từ, Trương Văn Chung (2014), *Phật giáo và các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: xlix.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Văn Anh (2016), “Các yếu tố ảnh hưởng đến niềm tin tôn giáo của tín đồ Phật giáo Việt Nam hiện nay”, *Khoa học nhân lực xã hội*, số 35.
2. Vũ Dũng (1998), *Tâm lý học tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Thích Thanh Huân (2015), “Ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đối với phong tục, tập quán và lối sống của người Việt thời kỳ Lý - Trần và việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo giai đoạn hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 09 (147).
5. Nguyễn Đức Lữ (2013), *Tôn giáo với Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Thích Nhật Từ, Trương Văn Chung (2014), *Phật giáo và các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Trần Văn Trinh (2004), *Nhận thức, thái độ, hành vi đối với Phật giáo của cộng đồng dân cư Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Abstract

SOME FACTORS HELPING VIETNAM BUDDHISM GAIN BELIEFS OF THE MAJORITY OF VIETNAMESE

Buddhism is a major religion with the largest number of adherents in Vietnam. Along with the development of the nation, Buddhism has continuously been strengthened and growing to become the closely spiritual home of many people all over the country. This article comments on six important internal factors helping Buddhism to have beliefs of the majority of Vietnamese people. They are as follow: 1) The religious tenet of Buddhism contains several positive values; 2) The unity of consciousness of organizational and leading thought; 3) The spirit of “begin the world”, religious harmony; 4) The fusion between Buddhism and national culture; 5) the traditions of hallowed memory, national protection and civil safety; 6) Forms of diversity and sutra activities. This article helps us to have further more comprehensive view of Buddhism in Vietnam.

Keywords: Factors, Buddhism, Vietnam, beliefs, religion.